

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **435** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **21** tháng **5** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Tin học Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102- SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Tin học Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (nhiệm kỳ 2011 - 2016) của Hội thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2011 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Kel*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCPCP, T.

KT. BỘ TRƯỞNG

CHỦ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI TIN HỌC VIỆT NAM

*được ban hành theo Quyết định số: 435/QĐ-BNV
ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH,
LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Tin học Việt Nam.
2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Vietnam Association for Information Processing.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VAIP.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động

1. Hội Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của các cá nhân, tổ chức Việt Nam hoạt động nghiên cứu, đào tạo, phổ biến, ứng dụng, sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin và những người có đóng góp hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển công nghệ thông tin của Việt Nam.
2. Mục đích của Hội là tập hợp hội viên để góp phần đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo, phổ biến, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hội Tin học Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính; tuân thủ các quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật về lĩnh vực Hội hoạt động.
3. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng, tài khoản và cơ quan ngôn luận riêng. Trụ sở chính của Hội đặt tại Hà Nội và có thể thành lập văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

4. Hội Tin học Việt Nam là thành viên của Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI**

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, động viên tinh thần tích cực và khả năng sáng tạo của hội viên nhằm thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; sử dụng những thành tựu của công nghệ thông tin phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên trong hoạt động công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức và giúp đỡ hội viên trong các hoạt động liên kết kinh tế - khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin, các loại hình sản xuất, dịch vụ công nghệ thông tin qua đó góp phần tạo thêm việc làm cho hội viên.

3. Tạo điều kiện cho hội viên nâng cao trình độ nghiệp vụ bằng nhiều hình thức khác nhau (như mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các câu lạc bộ khoa học kỹ thuật về công nghệ thông tin, cấp học bổng tu nghiệp, tổ chức tham quan khảo sát ở trong nước và nước ngoài, trao tặng các giải thưởng công nghệ thông tin). Tạo điều kiện cho mọi hội viên công tác, học tập, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động kinh tế, sản xuất và đời sống theo quy định của pháp luật.

4. Xuất bản ấn phẩm các loại về công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật; tổ chức thông tin khoa học kỹ thuật về công nghệ thông tin; phổ biến rộng rãi kiến thức cơ bản, các thành tựu, công trình nghiên cứu và sáng chế, phát minh mới trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin cho hội viên và mọi người dân theo quy định của pháp luật.

5. Liên hệ với các hội và các tổ chức công nghệ thông tin ở nước ngoài để đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin, tạo điều kiện cho hội viên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở các nước và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật. Tập hợp, khuyến khích và động viên người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về công nghệ thông tin ở trong nước phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với các cơ quan và các tổ chức quần chúng khác để kiến nghị, đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về: Chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, phương hướng, kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện, nội dung và chương trình giảng dạy công nghệ thông tin ở các cấp học, giới thiệu những hội viên có năng lực vào các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin của Nhà nước khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ thông tin theo đề nghị và yêu cầu của cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội.

8. Tích cực tham gia các hoạt động của Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam và các tổ chức mà Hội là thành viên.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền mục đích của Hội.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.

6. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

9. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

10. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

11. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

12. Được gia nhập các tổ chức quốc tế về lĩnh vực công nghệ thông tin và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động; cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 6. Nghĩa vụ của Hội

1. Chấp hành quy định của pháp luật về hội và các quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghệ thông tin.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật khi thực hiện các công việc: Tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội; thay đổi trụ sở; lập văn phòng đại diện ở các địa phương khác; lập các pháp nhân trực thuộc Hội.

4. Hàng năm, Hội báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

6. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện; biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

7. Kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 10 và Khoản 11 Điều 5 của Điều lệ Hội phải dành cho hoạt động của Hội, không được chia cho hội viên theo quy định của pháp luật.

8. Chấp hành quy định của pháp luật về việc sử dụng các nguồn kinh phí có được. Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán tài chính, báo cáo về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức nước ngoài cho cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 7. Hội viên chính thức

1. Hội viên cá nhân: Hội viên của các hội tin học thành viên đương nhiên là hội viên của Hội Tin học Việt Nam. Ngoài ra, mọi công dân Việt Nam đang hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, nếu tán thành tôn chỉ, mục đích và Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam, nhiệt tình ủng hộ và tham gia nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội, đều có thể được các chi hội trực thuộc của Hội Tin học Việt Nam xem xét, kết

nap. Hội viên cá nhân của Hội Tin học Việt Nam phải sinh hoạt tại một trong các tổ chức của Hội, như: Hội tin học thành viên hoặc chi hội trực thuộc.

2. Hội viên tổ chức: Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, có tư cách pháp nhân, có quy mô hoạt động liên tỉnh hoặc toàn quốc, tán thành tôn chỉ, mục đích và Điều lệ Hội Tin học Việt Nam, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội, được Ban Thường vụ Hội Tin học Việt Nam xem xét, quyết định kết nạp.

Điều 8. Hội viên liên kết, hội viên danh dự

1. Hội viên liên kết: Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp liên doanh giữa doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) đang hoạt động, sản xuất, kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, có thể được Ban Thường vụ Hội Tin học Việt Nam công nhận là hội viên liên kết.

2. Hội viên danh dự: Các công dân, tổ chức Việt Nam có uy tín, có đóng góp cho sự phát triển của Hội nhưng không có điều kiện trực tiếp tham gia hoạt động Hội với tư cách là hội viên chính thức, nếu tán thành Điều lệ Hội đều có thể được Ban Thường vụ Hội Tin học Việt Nam công nhận là hội viên danh dự của Hội.

3. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 9. Quyền lợi của hội viên

1. Hội viên cá nhân:

a) Được tham gia mọi sinh hoạt của Hội; thảo luận, biểu quyết mọi mặt công tác của Hội; được bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội;

b) Được kiến nghị với Hội và các tổ chức của Hội để được giúp đỡ, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ công nghệ thông tin; được Hội tạo điều kiện đưa các kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, các sáng chế, phát minh vào sản xuất và đời sống; được ưu tiên công bố các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong các tạp chí, ấn phẩm của Hội;

c) Được cung cấp thông tin thường xuyên về các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; được tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ trao đổi với các tổ chức, cá nhân làm công nghệ thông tin ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng về công nghệ thông tin;

d) Được cấp Thẻ “Hội viên Hội Tin học Việt Nam” hoặc thẻ của hội tin học thành viên và sử dụng thẻ này khi tham gia sinh hoạt và các hoạt động của Hội. Thẻ của hội viên các chi hội trực thuộc do Ban Chấp hành Hội Tin học Việt Nam cấp;

thẻ của hội viên hội tin học thành viên do Ban Chấp hành hội tin học thành viên cấp;

đ) Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng trong hoạt động phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội theo quy định của pháp luật;

e) Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục là hội viên. Trong trường hợp này, hội viên cần thông báo cho tổ chức hội nơi tham gia sinh hoạt và phải nộp lại thẻ hội viên cho tổ chức này của Hội.

2. Hội viên tổ chức:

a) Được tham gia sinh hoạt, thảo luận và biểu quyết mọi công việc chung của Hội;

b) Được cử đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội;

c) Được cấp Giấy chứng nhận "Hội viên tổ chức của Hội Tin học Việt Nam";

d) Được tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động nghề nghiệp và được hưởng các quyền lợi khác do Hội quy định.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động Hội, thực hiện các nhiệm vụ được Hội phân công.

2. Thường xuyên tham gia công tác tuyên truyền, phát triển hội viên mới.

3. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Các hội tin học thành viên.

6. Hội đồng Trung ương.

7. Các chi hội trực thuộc.

8. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

Điều 12. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Tin học Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc (sau đây gọi tắt là Đại hội) tổ chức 5 (năm) năm một lần do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quyết định. Trong trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Hội có thể triệu tập Đại hội bất thường khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội:

a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội nhiệm kỳ đã qua và định hướng phát triển, chương trình hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới;

b) Xem xét và thông qua báo cáo tài chính của Hội nhiệm kỳ đã qua;

c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);

d) Quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành và số lượng ủy viên Ban Kiểm tra Hội. Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định việc chia, tách; giải thể; đổi tên và gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có);

e) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;

g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội Tin học Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra, là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội, họp thường lệ mỗi năm 2 (hai) lần.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội, việc thay đổi, bổ sung ủy viên Ban Chấp hành phải được hơn 2/3 số ủy viên Ban chấp hành biểu quyết tán thành. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành được bổ sung hoặc thay thế nhiều nhất bằng 1/5 (một phần năm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định cho mỗi nhiệm kỳ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành và Điều lệ Hội. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động hàng năm và cả nhiệm kỳ theo nghị quyết Đại hội;

b) Tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội; quyết định việc triệu tập và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội (Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường), như: Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội, thành phần tham dự Đại hội, chương trình, nội dung, tài liệu và công tác hậu cần phục vụ Đại hội;

c) Tổ chức thực hiện các công việc chuẩn bị cho Hội nghị hàng năm của Hội đồng Trung ương, như: Thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, chương trình, nội dung, tài liệu và công tác hậu cần phục vụ hội nghị;

d) Quyết định quy chế hoạt động của Ban Chấp hành;

đ) Bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, Ban Thường vụ và Trưởng các ban chuyên môn của Ban Chấp hành trong số các ủy viên Ban Chấp hành;

e) Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định việc thành lập và giải thể các chi hội trực thuộc;

h) Quyết định việc thành lập và giải thể văn phòng đại diện, các tổ chức có tư cách pháp nhân làm kinh tế, dịch vụ, đào tạo của Hội theo quy định của pháp luật trên cơ sở thực hiện chương trình hoạt động của Hội.

4. Nguyên tắc làm việc của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số;

b) Ban Chấp hành ban hành các quyết định và nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành được xem là hợp lệ khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành tham dự;

d) Biểu quyết trong Ban Chấp hành theo nguyên tắc quá bán, thiểu số phục tùng đa số. Trong trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì cuộc họp;

đ) Việc biểu quyết có thể tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau, như: Giơ tay, bỏ phiếu kín, gửi thư, qua mạng Internet, v.v. Hình thức cụ thể do Ban Thường vụ quyết định.

Điều 14. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành do Ban Chấp hành bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ do Ban

Chấp hành quyết định nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

2. Ban Thường vụ họp định kỳ mỗi quý một lần; khi cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ có thể họp bất thường để giải quyết các công việc quan trọng cấp bách, phát sinh.

3. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành hành triển khai nghị quyết của Đại hội; các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội và các tổ chức pháp nhân làm kinh tế, dịch vụ, đào tạo trực thuộc Hội;

c) Quyết định việc cấp thẻ hội viên; kết nạp, khai trừ hội viên tập thể và công nhận, thôi công nhận hội viên liên kết, hội viên danh dự;

d) Quyết định khen thưởng, kỷ luật hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 15. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật. Chủ tịch Hội có các nhiệm vụ:

a) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

b) Đại diện cho Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại trong và ngoài nước; ký các văn bản giao dịch đối ngoại của Hội, các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Ký quyết định thành lập hoặc giải thể các tổ chức trực thuộc Hội và bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự chủ chốt của các tổ chức này.

2. Khi Chủ tịch vắng mặt, nếu cần có thể ủy quyền cho một Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch trong thời gian ủy quyền.

Điều 16. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành, được Ban Chấp hành phân công phụ trách một số mặt hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về các mảng công việc được phân công. Trong trường hợp được Chủ tịch Hội ủy quyền thì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và Ban Chấp hành về các công việc được ủy quyền.

2. Số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quyết định.

Điều 17. Tổng thư ký Hội

1. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành, giúp Ban Chấp hành điều hành hoạt động của Văn phòng Hội và chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về các hoạt động của Văn phòng Hội.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ:

a) Điều hành hoạt động của Văn phòng Hội;

b) Giám sát hoạt động của các tổ chức pháp nhân làm kinh tế, dịch vụ, đào tạo trực thuộc Hội;

c) Cùng với Chủ tịch Hội là người đại diện cho Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại trong và ngoài nước và ký các văn bản giao dịch đối nội, đối ngoại của Hội;

d) Ký duyệt các khoản chi cho hoạt động của Văn phòng, của các dự án, các hoạt động do Hội tổ chức thực hiện;

đ) Quản lý tài sản, tài chính của Hội.

Điều 18. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu ra. Số lượng ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

2. Ban Kiểm tra có các nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, các quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, các chủ trương và chương trình công tác của Hội; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội;

b) Xem xét và đề xuất giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và những vấn đề có liên quan đến Hội, hội viên, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra những vấn đề do hội viên, các chi hội trực thuộc, các hội tin học thành viên hoặc do Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam và các cơ quan chức năng nhà nước yêu cầu. Kết luận về các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành, các hội tin học thành viên và các chi hội trực thuộc.

3. Giữa hai kỳ Đại hội, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung các thành viên Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra phải thông báo cho Ban Chấp hành và lấy ý kiến của các hội tin học thành viên, các chi hội trực thuộc. Quyết định thay thế hoặc bổ sung phải được từ 2/3 (hai phần ba) tổng số các hội thành viên và các chi hội trực thuộc chấp thuận mới có giá trị thực hiện.

4. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Ban Chấp hành và các tổ chức trực thuộc Hội cung cấp thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra của Ban.

Điều 19. Hội tin học thành viên

1. Hội tin học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là hội tin học cấp tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập và phê duyệt Điều lệ theo quy định của pháp luật; nếu tán thành Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam, tự nguyện làm đơn xin gia nhập thì được Ban Thường vụ Hội Tin học Việt Nam xem xét, quyết định kết nạp làm hội tin học thành viên.

2. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội Tin học Việt Nam và các hội tin học thành viên được thực hiện trên cơ sở quy chế phối hợp hoạt động do Hội Tin học Việt Nam và các hội tin học thành viên cùng thống nhất xây dựng.

Điều 20. Hội đồng Trung ương

1. Hội đồng Trung ương có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Hội Tin học Việt Nam.

2. Hội đồng Trung ương bao gồm: Ban Chấp hành Hội Tin học Việt Nam và đại diện các hội tin học thành viên. Mỗi hội tin học thành viên cử 02 (hai) lãnh đạo trong Ban Chấp hành tham gia Hội đồng Trung ương.

3. Hội đồng Trung ương có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội Tin học Việt Nam. Hội đồng Trung ương họp mỗi năm 01 (một) lần.

4. Khi một hội tin học cấp tỉnh mới được thành lập theo quy định của pháp luật, tự nguyện gia nhập Hội Tin học Việt Nam và được chấp thuận trở thành hội tin học thành viên của Hội Tin học Việt Nam thì hội tin học thành viên đó đề cử 02 đại diện của mình tham gia Hội đồng Trung ương. Trong nhiệm kỳ của Hội đồng Trung ương, các hội tin học thành viên có quyền thay thế đại diện của mình tại Hội đồng Trung ương bằng cách gửi văn bản thông báo chính thức về việc thay thế này cho Ban Chấp hành Hội Tin học Việt Nam.

5. Hội đồng Trung ương có quy chế hoạt động riêng, quy chế này phải được các thành viên trong Hội đồng Trung ương thông qua trên nguyên tắc đa số tán thành.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Trung ương:

a) Đề xuất phương hướng phối hợp hoạt động giữa Hội Tin học Việt Nam và các hội tin học thành viên nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong việc góp phần xây dựng và phát triển công nghệ thông tin Việt Nam;

b) Đề xuất các biện pháp liên kết, phối hợp hoạt động giữa Hội Tin học Việt Nam và các hội tin học thành viên;

c) Thay mặt các hội tin học trong cả nước kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước về cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong cả nước.

Điều 21. Chi hội trực thuộc

1. Ở các cơ quan, tổ chức có nhiều cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và có nguyện vọng trở thành hội viên Hội Tin học Việt Nam có thể thành lập chi hội trực thuộc Hội Tin học Việt Nam (gọi tắt là chi hội). Mỗi chi hội phải có ít nhất 10 hội viên chính thức. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập chi hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Đại hội toàn thể của chi hội họp định kỳ 05 năm một lần.

3. Đại hội toàn thể của chi hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thông qua báo cáo hoạt động của chi hội;

b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch công tác của chi hội;

c) Bầu Ban lãnh đạo chi hội bao gồm: Chi hội trưởng, các Chi hội phó và Thư ký của chi hội;

d) Cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Tin học Việt Nam.

4. Chi hội có nhiệm vụ:

a) Tổ chức các hoạt động để thực hiện Điều lệ Hội, quy định, quyết định của Hội và chi hội;

b) Tuyên truyền phát triển hội viên mới và mở rộng uy tín của Hội;

c) Tổ chức các buổi sinh hoạt, trao đổi, học tập, tham quan cho các hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Ban Thường vụ Hội Tin học Việt Nam.

5. Các chi hội được Hội giúp đỡ để tham gia hoạt động trong các tổ chức pháp nhân hoạt động khoa học và sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực công nghệ thông tin trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Các vấn đề về tài sản, tài chính, quyền và lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ khác của Hội liên quan đến chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Tự giải thể: Hội tự giải thể khi có đề nghị giải thể Hội của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;
 - b) Bị giải thể: Hội bị giải thể khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể Hội.
2. Trình tự, thủ tục giải thể Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương VI **TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI**

Điều 24. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: Tài sản tự có của Hội; tài sản do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ; tài sản thuê (nếu có). Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.
2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 25. Nguồn thu của Hội

1. Hội phí của hội viên (mức thu hội phí của hội viên tổ chức và hội viên các chi hội trực thuộc do Ban Chấp hành Hội Tin học Việt Nam quy định).
2. Thu từ các dự án, đề tài do Hội chủ trì.
3. Thu từ các hoạt động tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
4. Thu từ các hoạt động liên kết với các tổ chức, đơn vị khác ngoài Hội.
5. Thu từ các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo.
6. Thu từ đóng góp của các tổ chức pháp nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
7. Thu từ các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo quy định của pháp luật.
8. Thu từ các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 26. Các khoản chi của Hội

1. Chi hoạt động thường xuyên của Hội.
2. Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị cho Văn phòng Hội.

3. Chi cho các đề tài nghiên cứu (nếu có và được duyệt).
4. Chi cho các hoạt động nghề nghiệp do Hội chủ trì hoặc tham gia chủ trì.
5. Hỗ trợ cho hoạt động của các hội tin học thành viên và các chi hội trực thuộc (nếu điều kiện kinh phí cho phép).
6. Các khoản chi khác để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 27. Tài chính của Hội

1. Năm tài chính của Hội bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Tin học Việt Nam quy định các nguyên tắc cơ bản về hoạt động tài chính của Hội. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ tổ chức xây dựng quy chế tài chính của Hội đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc đó và các quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 28. Khen thưởng

1. Các tập thể, cá nhân hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và công tác Hội sẽ được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức xã hội nghề nghiệp khác khen thưởng theo quy định của pháp luật. Các công trình nghiên cứu, ứng dụng, các phát minh sáng chế xuất sắc sẽ được Hội đề nghị lên cấp có thẩm quyền xác nhận, khen thưởng và được ưu tiên đăng trên tạp chí của Hội. Hội có các giải thưởng đặc biệt và thường kỳ tặng các tập thể và cá nhân hội viên xuất sắc trong nghiên cứu, ứng dụng, giảng dạy và phổ biến công nghệ thông tin.
2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế khen thưởng, quy định cụ thể hình thức, tiêu chuẩn, thủ tục, thẩm quyền khen thưởng hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 29. Kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân hội viên vi phạm nghị quyết và Điều lệ Hội, làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của Hội thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị phê bình giáo dục, khiển trách hoặc khai trừ ra khỏi Hội.
2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế kỷ luật, quy định cụ thể hình thức, thủ tục, thẩm quyền kỷ luật hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Tin học Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Tin học Việt Nam.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam gồm 8 Chương, 31 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Hội thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Tin học Việt Nam có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.